

PHỤ LỤC SỐ 04

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

(Ban hành kèm theo Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán)

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN CÔNG TY CP NÔNG SẢN THỰC PHẨM QUẢNG NGÃI NĂM 2018

I. Thông tin chung

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch:
- + Tên tiếng Việt: **CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG SẢN THỰC PHẨM QUẢNG NGÃI**
- + Tên tiếng Anh: **Quang Ngai Agricultural products and foodstuff joint stock company.**
- + Tên viết tắt: **APFCO**
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 4300321643 do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch & Đầu tư Quảng Ngãi cấp đăng ký lần đầu ngày 26/12/2003, cấp thay đổi lần thứ 19 ngày 10/07/2018.
- Vốn điều lệ: 150.328.680.000,0đồng (*Một trăm năm mươi tỷ, ba trăm hai tám triệu, sáu trăm tám nghìn đồng*).
- Địa chỉ: 48 Phạm Xuân Hòa, phường Trần Hưng Đạo, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.
- Điện thoại: (0255) 3822536; 33827308; 3822529
- Fax: (0255) 3822060
- Email: apfco@apfco.com.vn
- Website: www.apfco.com.vn và www.apfco.vn
- Mã cổ phiếu: **APF**
- Quá trình hình thành và phát triển:

Công ty CP Nông sản thực phẩm Quảng Ngãi được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước là Công ty Nông sản Thực phẩm Quảng Ngãi theo Quyết định số 252/QĐ-UB ngày 25/12/2003 của UBND tỉnh Quảng Ngãi.
- Năm 2004: đưa dự án đầu tư xây dựng nhà máy sản xuất tinh bột mì Sơn Hải (hiện nay là nhà máy sản xuất tinh bột mì Quảng Ngãi – cơ sở 2) vào hoạt động.

- Năm 2005: Mua nhà máy sản xuất tinh bột sắn Đắk Tô – KonTum.
- Năm 2006: Đưa dự án đầu tư sản xuất Nhà máy sản xuất tinh bột sắn Đồng Xuân vào hoạt động.
- Năm 2008: Mua nhà máy sản xuất tinh bột sắn Tân Châu – Tây Ninh và Chợ Quảng Ngãi.
- Năm 2012: Đưa dự án đầu tư xây dựng Nhà máy cón Đắk Tô vào hoạt động. Đầu tư xây dựng Nhà máy chế biến tinh bột sắn Sê Pôn – Lào.
- Năm 2013: Mua lại Nhà máy sản xuất tinh bột sắn An Khê và đưa vào hoạt động.
- Năm 2014: Mua và thành lập công ty con: Công ty TNHH Tinh bột sắn Kontum. Nhận bàn giao hoàn thành đầu tư xây dựng Công ty TNHH MTV Chế biến tinh bột sắn Sê Pôn – Lào. Bàn giao lại chợ Quảng Ngãi cho UBND thành phố Quảng Ngãi.
- Năm 2015: Thành lập công ty con: Công ty TNHH tinh bột sắn Khánh Dương, Đắk Lắk và Công ty TNHH tinh bột sắn Gensun, Đắk Nông.
- Năm 2016: Mua và thành lập Nhà máy tinh bột sắn Đắk Song, Nhà máy tinh bột sắn Đồng Phú.
- Năm 2017: Góp vốn thành lập Công ty TNHH Nông sản Tây Nguyên.

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

a. Ngành nghề kinh doanh:

TT	Tên ngành	Mã ngành
1	Sản xuất và kinh doanh tinh bột sắn	1062 (chính)
2	Trồng cây lấy củ có chất bột (sắn)	0113
3	Sản xuất các cấu kiện kim loại	2511
4	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
5	Sản xuất các sản phẩm khác bằng kim loại chưa phân vào đâu	2599
6	Lắp đặt thiết bị máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
7	Xây dựng dân dụng	4100
8	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4290
9	May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)	1410

10	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu	4620
11	Bán buôn thực phẩm	4632
12	Bán buôn đồ uống	4633
13	Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc lào	4634
14	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
15	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
16	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	4661
17	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
18	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu	4669
19	Bán buôn tổng hợp	4690
20	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
21	Cho thuê kho, bãi	5210
22	Thoát nước và xử lý nước thải	3700
23	<ul style="list-style-type: none"> - Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm sau tinh bột (tinh bột biến tính, cồn ethanol); - Chế tạo thiết bị cơ khí; - Đầu tư kinh doanh thai thác và quản lý chợ, siêu thị, trung tâm thương mại; - Cho thuê văn phòng làm việc; - Xuất khẩu tín chỉ chứng nhận giảm thiểu phát thải; - Tư vấn công nghệ, đầu tư xây dựng và chuyển giao hệ thống xử lý nước thải, thu hồi khí Biogas - Sản xuất và kinh doanh cồn thực phẩm 	<p><i>Ngành nghề chưa khớp mã với Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam</i></p>

b. Địa bàn kinh doanh:

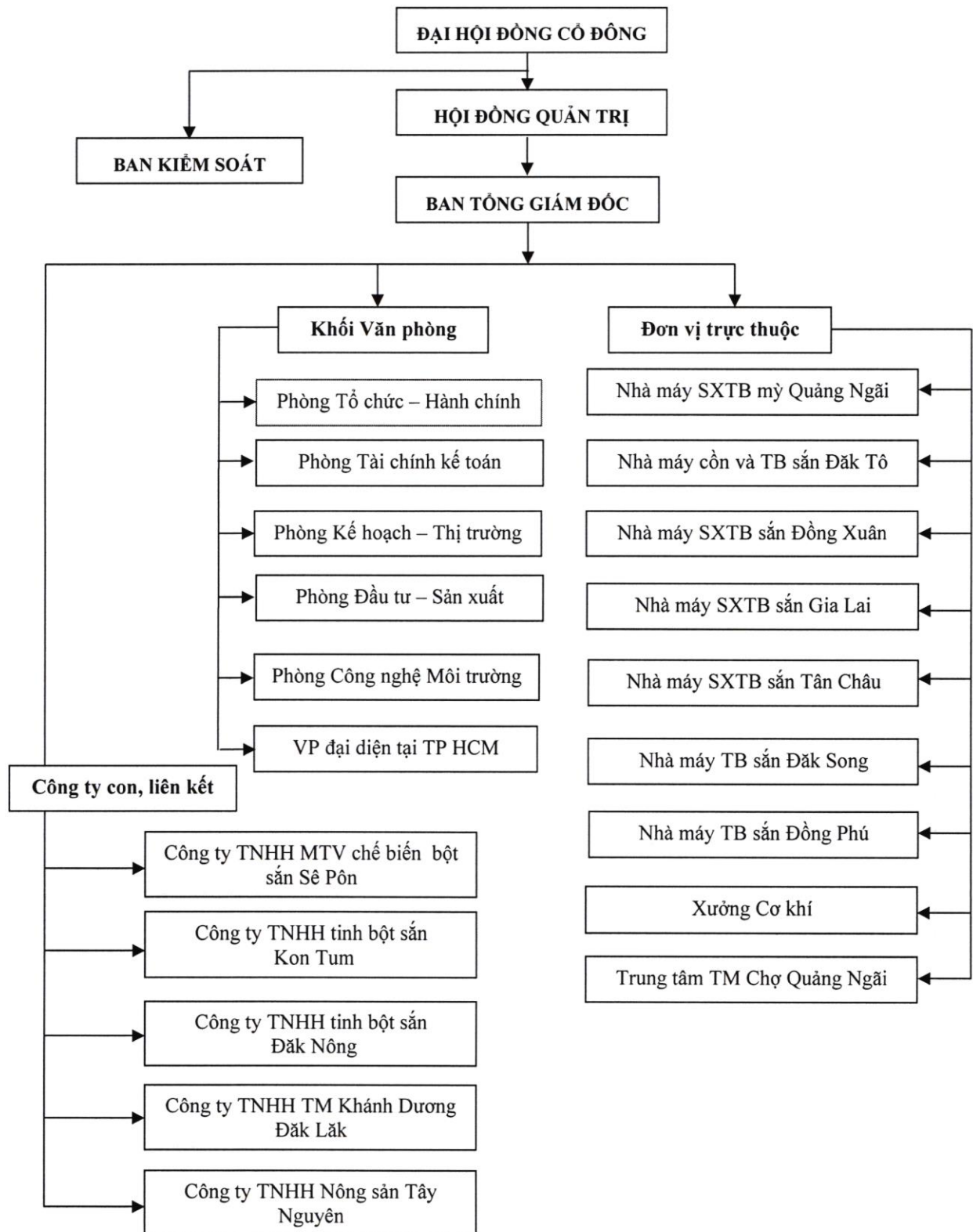
- Các tỉnh, thành phố trên toàn quốc.
- Các nước Trung Quốc, Đài Loan, Nhật Bản, Hàn Quốc...

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

3.1 Mô hình quản trị.

- Đại hội đồng cổ đông.
- Hội đồng quản trị.
- Ban kiểm soát.
- Tổng Giám đốc.

3.2 Cơ cấu bộ máy quản lý:



3.3 Các công ty con, công ty liên kết:

TT	Tên công ty	Địa chỉ	Ngành nghề kinh doanh	Giá vốn góp (đồng)	Tỷ lệ vốn góp
1	Công ty TNHH MTV Chế biến tinh bột sắn Sê Pôn	Bản Oa-Lay, huyện Sê Pôn, tỉnh Savannakhets, nước CHDCND Lào	Chế biến Tinh bột sắn	75.221.705.049	100%
2	Công ty TNHH Tinh bột sắn Kontum	Thôn Bình Giang, xã Sa Bình, Huyện Sa Thầy, tỉnh Kontum	Chế biến Tinh bột sắn	30.767.747.097	51%
3	Công ty TNHH Tinh bột sắn Đăk Nông	Thôn 12, Xã Nhân Cơ, Huyện Đăk R'láp, Tỉnh Đăk Nông	Chế biến Tinh bột sắn	25.500.000.000	51%
4	Công ty TNHH Thương mại Khánh Dương Đăk Lăk	Thôn 3, Xã Krông Jing, Huyện M'Đrăk, tỉnh Đăk Lăk	Chế biến Tinh bột sắn	25.000.000.000	62,5%
5	Công ty TNHH Nông sản Tây Nguyên	Thôn 2, Xã Ea kiết, Huyện Cư M'gar, Tỉnh Đăk Lăk, Việt Nam	Chế biến Tinh bột sắn	12.000.000.000	20%

4. Định hướng phát triển

* Mục tiêu chủ yếu của Công ty: Phát triển công ty ngày càng lớn mạnh, kinh doanh có hiệu quả, lợi nhuận ngày càng tăng, đem lại hiệu quả, lợi ích kinh tế cho nhà đầu tư, ổn định công việc làm và nâng cao thu nhập cho người lao động, thực hiện tốt chính sách thuế đối với Nhà nước.

* Chiến lược phát triển trung và dài hạn:

- Tiếp tục đẩy mạnh hoạt động sản xuất kinh doanh, tập trung đầu tư nguồn lực về con người và tài chính để mở rộng thị trường, đổi mới công nghệ thiết bị để nâng cao chất lượng sản phẩm tinh bột sắn, tinh bột biến tính và cồn thực phẩm, phấn đấu trở thành một trong những nhà sản xuất và cung cấp tinh bột sắn hàng đầu khu vực.

- Sản xuất tinh bột biến tính là hướng đi lâu dài của Công ty nhằm tăng tính hiệu quả, tăng giá trị cũng như tính cạnh tranh. Căn cứ vào thị trường, khách hàng cụ thể đầu tư phát triển các sản phẩm tinh bột biến tính đáp ứng nhu cầu công nghiệp và thực phẩm.

* Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng của Công ty.

- Xác định việc đầu tư cho xử lý môi trường là trách nhiệm xã hội nhằm đảm bảo phát triển bền vững của Công ty. Vì vậy trong những năm qua Công ty đã triển khai đầu tư ép sấy bã trong tất cả các Nhà máy toàn Công ty.

- Luôn cập nhật các giải pháp xử lý môi trường mới phục vụ trước mắt cũng như lâu dài. Đầu tư kinh phí thích đáng để giải quyết công tác môi trường.

- Nghiên cứu, tính toán áp dụng công nghệ mới để tiết kiệm nước trong sản xuất và tiết kiệm tài nguyên đất trong xử lý môi trường.

- Thực hiện nghĩa vụ đối với cộng đồng thông qua đóng góp các phúc lợi xã hội.

5. Các rủi ro:

* Thế giới: Tình hình thế giới có nhiều diễn biến phức tạp, ảnh hưởng đến an ninh kinh tế toàn cầu, đặc biệt là tranh chấp Biển Đông.

* Trong nước:

- Chi phí: Điện, tiền lương và vận chuyển đều tăng.

- Thời tiết khô hạn kéo dài, nhất là các tỉnh miền Trung, ảnh hưởng đến diện tích và sản lượng nguyên liệu; cạnh tranh thua mua nguyên liệu gay gắt.

II. Tình hình hoạt động trong năm.

1. Các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh chủ yếu:

TT	Diễn giải	ĐVT	TH 2017	Năm 2018		So sánh (%)	
				KH	TH	TH2018/TH2017	TH2018/KH2018
I	KINH DOANH						
1	Tổng doanh thu	Tr.đồng	3.067.383	3.000.000	3.540.000	115,42	118,00
2	Tổng khấu hao	Tr.đồng	65.103	65.000	75.000	115,20	115,38
3	Lãi ròng	Tr.đồng	62.926	65.000	75.000	119,19	115,38
4	Thu nhập	1000đ/ng/tg	8.200	7.500	8.230	100,36	109,7
II	SẢN XUẤT						
1	Tinh bột thường	Tấn	307.075	328.000	249.267	81,17	76,00
2	Tphẩm bột biến tính	Tấn	35.432	40.000	32.498	91,72	81,25
3	Thành phẩm còn	M3	10.775	10.000	7.000	65,06	70,00
4	Bã khô	Tấn	76.112	79.280	65.264	85,75	82,32

2. Đánh giá tổng quát:

- Doanh thu thực hiện đạt KH (118,0%) và cao hơn cùng kỳ năm trước (115.42%); chủ yếu do giá bán tinh bột trong 6 tháng đầu năm tương đối tốt;

- Lãi ròng đạt KH (115.38%) chủ yếu là thực hiện 6 tháng đầu năm, 6 tháng cuối năm ít hiệu quả.

- Về sản lượng tinh bột sắn toàn Công ty (kể cả Công ty con) không đạt KH (76.57%), trong đó bột thường 76% KH, bột biến tính đạt 81,25% KH, thấp hơn cùng kỳ năm trước (82.11%), (bột thường đạt 81.17%, bột biến tính đạt 91,72%); Lý do không đạt kế hoạch và thấp hơn cùng kỳ năm trước chủ yếu do xây dựng thêm nhà máy, các nhà máy nâng công suất, nên cạnh tranh gay gắt về nguyên liệu;

- Về sản lượng còn không đạt KH (70%) do giá còn nhiên liệu, còn thực phẩm sản xuất từ mật ri đều thấp nên cạnh tranh gay gắt; Lò hơi bị hỏng phải dừng sửa chữa 2 tháng, đồng thời công ty chủ động sản xuất chậm.

2. Tổ chức và nhân sự

- Danh sách Ban điều hành:

- **Ông: Võ Văn Danh**

Ngày tháng năm sinh : 20/10/1961
Địa chỉ thường trú : 295 Phan Đình Phùng, TP Quảng Ngãi
Số CMDN : 211222371
Dân tộc : Kinh
Quốc tịch : Việt Nam
Điện thoại liên lạc : 0255 3822536
Trình độ chuyên môn : Cử nhân Kinh tế
Chức vụ công tác hiện nay: Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc
Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu : Sở hữu: 862.862CP, tỷ lệ: 5,74%

- **Ông: Ngô Văn Tươi**

Ngày tháng năm sinh : 06/8/1958
Địa chỉ thường trú : 67 Phạm Xuân Hòa, TP Quảng Ngãi
Số CMDN : 210025126
Dân tộc : Kinh
Quốc tịch : Việt Nam
Điện thoại liên lạc : 0255 3822542
Trình độ chuyên môn : Cử nhân Kinh tế
Chức vụ công tác hiện nay: Thành viên HĐQT kiêm P.Tổng Giám đốc
Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu : Sở hữu: 384.227, tỷ lệ: 2,56%

- **Ông: Lê Tuấn Toàn**

Ngày tháng năm sinh : 16/02/1962
Địa chỉ thường trú : 99 Trương Quang Trọng, TP Quảng Ngãi
Số CMDN : 210643799
Dân tộc : Kinh
Quốc tịch : Việt Nam
Điện thoại liên lạc : 0255 3819741
Trình độ chuyên môn : Cử nhân Kinh tế
Chức vụ công tác hiện nay: TV HĐQT kiêm P.Tổng Giám đốc
Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu : Sở hữu: 510.973 CP, tỷ lệ: 3,40%

• **Ông: Trần Ngọc Hải**

Ngày tháng năm sinh : 01/01/1973
Địa chỉ thường trú : 180 Trương Quang Trọng, TP Quảng Ngãi
Trình độ chuyên môn : Cử nhân Kinh tế
Số CMDN : 211925924
Dân tộc : Kinh
Quốc tịch : Việt Nam
Điện thoại liên lạc : 0255 3819741
Chức vụ công tác hiện nay: TV HĐQT kiêm P.Tổng Giám đốc
Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu : Sở hữu: 257.794 CP, tỷ lệ: 1,71%

• **Ông: Đồng Văn Lập**

Ngày tháng năm sinh : 26/02/1976
Địa chỉ thường trú : Hẻm 581/26 Quang Trung, TP Quảng Ngãi.
Trình độ chuyên môn : Kỹ sư điện
Số CMDN : 211963747
Dân tộc : Kinh
Quốc tịch : Việt Nam
Điện thoại liên lạc : 0255 3819741
Chức vụ công tác hiện nay: Phó Tổng Giám đốc
Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu : Sở hữu: 90.493 CP, tỷ lệ: 0,60%

• **Ông: Trần Đức Thạch**

Ngày tháng năm sinh : 20/5/1974
Địa chỉ thường trú : Thị trấn La Hà, Tư Nghĩa, Quảng Ngãi.
Trình độ chuyên môn : Cử nhân Kinh tế
Số CMDN : 212127348
Dân tộc : Kinh
Quốc tịch : Việt Nam
Điện thoại liên lạc : 0255 3822529
Chức vụ công tác hiện nay: Kế toán trưởng Công ty
Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu : Sở hữu: 156.124CP, tỷ lệ: 1,04 %

(Ghi chú: Số cổ phần sở hữu được tính tại thời điểm chốt danh sách 03/04/2019).

-Số lượng cán bộ, nhân viên: Tổng số CB CNV tại thời điểm 31/12/2018: 899 người.

- Chính sách đối với người lao động:

• Chế độ làm việc:

Thời gian làm việc: Trên cơ sở chế độ chung, công ty tổ chức làm việc 8giờ/ngày, 6 ngày/tuần. Toàn thể CBCNV của Công ty được nghỉ Lễ, Tết và phép theo đúng Quy định của Luật lao động.

Điều kiện làm việc: Công ty trang bị đầy đủ dụng cụ và phương tiện bảo hộ, tuân thủ các qui chuẩn, yêu cầu an toàn trong quá trình lao động, sản xuất.

- Chính sách đào tạo:

Với mục tiêu hướng đến kỹ năng chuyên môn hoá cao trong tất cả các bộ phận công tác, công ty luôn hỗ trợ, khuyến khích người lao động nâng cao năng lực nghiệp vụ chuyên môn để đảm bảo hoàn thành nhiệm vụ tốt nhất.

- Chính sách lương, thưởng:

Hàng năm Hội đồng quản trị Công ty phê duyệt đơn giá tiền lương và thực hiện chính sách phân phối lương phù hợp với đặc trưng ngành nghề, cố gắng tối đa để đảm bảo giải quyết cho người lao động hưởng mức lương tương xứng với năng lực đóng góp, trình độ nghiệp vụ chuyên môn của mỗi người. Ngoài việc trả lương hàng tháng cho người lao động, định kỳ Công ty xếp loại lao động dựa theo các chỉ tiêu năng suất, kỹ luật để khen thưởng.

- Chính sách phúc lợi và chăm sóc người lao động:

Lãnh đạo Công ty đặc biệt quan tâm đến phúc lợi của người lao động, ngoài việc đóng Bảo hiểm y tế và Bảo hiểm xã hội, công ty còn mua Bảo hiểm tai nạn lao động, Lãnh đạo Công ty cùng Ban chấp hành Công đoàn thường xuyên tổ chức thăm hỏi, động viên, trợ cấp, tặng quà cho gia đình CBCNV khi gặp khó khăn, hoạn nạn hoặc hiếu hỷ. Khi điều kiện sản xuất cho phép Công ty thường tổ chức các chuyến đi du lịch, nghỉ dưỡng cho CBCNV.

3. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài chính

Chỉ tiêu	Năm 2017	Năm 2018	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	2,009,957,867,307	2,023,285,769,302	100.66
Doanh thu thuần	3,043,684,595,782	3,574,016,070,400	117.42
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	82,979,032,407	98,936,378,733	119.23
Lợi nhuận khác/	(502,399,013)	(436,447,057)	86.87
Lợi nhuận trước thuế	82,476,633,394	98,499,931,676	119.43
Lợi nhuận sau thuế	82,476,633,394	98,499,931,676	119.43

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Chỉ tiêu/ Benchmarks	Năm 2017	Năm 2018	Ghi chú
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn:			
Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn	0,79	0.80	
+ Hệ số thanh toán nhanh:			

Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho	0,41	0.43	
Nợ ngắn hạn			
<i>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</i>			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,73	0.72	
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	2,73	2.52	
<i>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</i>			
+ Vòng quay hàng tồn kho:			
Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân	5,91	6.51	
Doanh thu thuần/Tổng tài sản	1,51	1.77	
<i>4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</i>			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	0,03	0.03	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	0,15	0.17	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	0,04	0.05	
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	0,03	0.03	

4. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

a) Cổ phần: Tổng số CP đang lưu hành tại thời điểm 03/04/2019 là: 15.032.868 CP. Trong đó CP hạn chế chuyển nhượng là: 0 CP.

b) Cơ cấu cổ đông:

Stt	Diễn giải	Số lượng CP sở hữu	Tỷ lệ
1	Cơ cấu cổ đông lớn, cổ đông nhỏ		
	Cổ đông lớn	1.814.980	12,07%
	Cổ đông nhỏ	13.217.888	87,93%
2	Cơ cấu cổ đông tổ chức, cổ đông cá nhân		
	Cổ đông tổ chức	116.656	0,78%
	Cổ đông cá nhân	14.916.212	99,22%
3	Cơ cấu cổ đông trong nước, cổ đông nước ngoài		
	Cổ đông trong nước	15.032.868	100,00%
	Cổ đông nước ngoài	0	0,00%
4	Cổ đông Nhà nước, cổ đông khác		
	Cổ đông Nhà nước		
	Cổ đông khác	15.032.868	100,00%

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

Nhằm tăng vốn lưu động đáp ứng hoạt động sản xuất kinh doanh; Giảm áp lực về vốn vay ngân hàng. Năm 2018 Công ty đã phát hành cổ phiếu trả cổ tức để tăng vốn điều lệ từ: 130.722.680.000 đồng lên 150.328.680.000 đồng.

d. Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có.

e. Các chứng khoán khác: Không có.

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc.

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh.

- Doanh thu thực hiện đạt KH (118,0%) và cao hơn cùng kỳ năm trước (115.42%); chủ yếu do giá bán tinh bột trong 6 tháng đầu năm tương đối tốt;

- Lãi ròng đạt KH (115.38%) chủ yếu là thực hiện 6 tháng đầu năm, 6 tháng cuối năm ít hiệu quả.

- Về sản lượng tinh bột sản toàn Công ty (kể cả Công ty con) không đạt KH (76.57%), trong đó bột thường 76% KH, bột biến tính đạt 81,25% KH, thấp hơn cùng kỳ năm trước (82.11%), (bột thường đạt 81.17%, bột biến tính đạt 91,72%); Lý do không đạt kế hoạch và thấp hơn cùng kỳ năm trước chủ yếu do xây dựng thêm nhà máy, các nhà máy nâng công suất, nên cạnh tranh gay gắt về nguyên liệu;

- Về sản lượng còn không đạt KH (70%) do giá còn nhiên liệu, còn thực phẩm sản xuất từ mật rỉ đều thấp nên cạnh tranh gay gắt; Lò hơi bị hỏng phải dừng sửa chữa 2 tháng, đồng thời công ty chủ động sản xuất chậm.

2. Tình hình tài chính

a. Tình hình tài sản:

TT	Chỉ tiêu	Năm 2017	Năm 2018	Tỷ lệ SS
I	Tài sản ngắn hạn	1,067,184,868,442	1,111,959,494,010	104.20%
1	Vốn bằng tiền	17,402,696,136	48,694,888,362	279.81%
2	Các khoản phải thu	353,162,854,735	314,001,328,621	88.91%
3	Hàng tồn kho	513,966,826,279	515,501,714,434	100.30%
4	Tài sản ngắn hạn khác	182,652,491,292	233,761,562,593	127.98%
II	Tài sản dài hạn	942,772,998,865	911,326,275,292	96.66%
1	Các khoản phải thu dài hạn	501,000,000	901,000,000	179.84%
2	Tài sản cố định	853,524,659,096	834,815,498,274	97.81%
3	Tài sản dở dang dài hạn	50,440,787,060	38,238,206,352	75.81%
4	Đầu tư tài chính dài hạn	506,590,000	13,806,590,000	2725.40%

5	Tài sản dài hạn khác	37,799,962,709	23,564,980,666	62.34%
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	2,009,957,867,307	2,023,285,769,302	100.66%
I	Nợ phải trả	1,470,414,722,832	1,448,506,690,340	98.51%
1	Nợ ngắn hạn	1,353,803,165,966	1,392,797,386,042	102.88%
2	Nợ dài hạn	116,611,556,866	55,709,304,298	47.77%
II	Vốn chủ sở hữu	539,543,144,475	574,779,078,962	106.53%
1	Vốn góp của chủ sở hữu	130,722,680,000	150,328,680,000	115.00%
2	Thặng dư vốn cổ phần	93,084,150,620	93,084,150,620	100.00%
3	Vốn khác của chủ sở hữu	-	400,000,000	
4	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	3,394,044,797	3,393,924,718	100.00%
5	Quỹ đầu tư phát triển	186,462,591,825	195,615,553,171	104.91%
6	Lợi nhuận chưa phân phối	66,789,513,461	71,617,838,132	107.23%
7	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	59,090,163,773	60,338,932,322	102.11%
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN:	2,009,957,867,307	2,023,285,769,302	100.66%

b. Tình hình nợ phải trả:

Nợ phải trả đến 31/12/2018 thấp hơn 31/12/2017 chủ yếu là do giảm số dư nợ vay tại các ngân hàng thương mại.

3. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty

- Môi trường: Về cơ bản Công tác xử lý môi trường tất cả các đơn vị thực hiện tương đối tốt, các đơn vị được đầu tư theo phương pháp sục khí tách bùn thì nước thải đạt chuẩn, các đơn vị chưa đầu tư theo phương pháp sục khí tách bùn thì chỉ tiêu nước thải không ổn định;

- Tiền lương: Trả tiền lương, thưởng, tiền phép... cho người lao động kịp thời, đúng quy chế của Công ty.

- Bảo hiểm: Thực hiện đầy đủ các chế độ chính sách đối với người lao động như BHXH, BHYT, BHTN.

- Đời sống tinh thần cho người lao động: Đã tổ chức tham quan du lịch trong và ngoài nước cho CBCNV-LĐ toàn Công ty.

- Công tác VSCN, PCCC, ATLĐ được củng cố và quan tâm, cảnh quan môi trường ngày càng được cải thiện.

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

Trong năm 2018, Mặc dù tình hình thị trường đối với các sản phẩm chủ lực của Công ty có nhiều diễn biến phức tạp, nhưng với sự đoàn kết, nỗ lực từ HĐQT đến Ban

điều hành cùng toàn thể công nhân viên lao động cũng đã hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc Công ty

- Các thành viên Ban giám đốc đã thực hiện đầy đủ quyền và nhiệm vụ được giao, sử dụng và phát huy tốt các nguồn lực về vốn, tài sản, lao động và nắm bắt thị trường xuất khẩu và nội địa.

- Ban Tổng Giám đốc đã điều hành và duy trì bộ máy hoạt động hiệu quả. Đã có những chính sách kịp thời và hợp lý để hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty ổn định và hiệu quả.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

3.1. Đầu tư máy móc thiết bị:

- Căn cứ vào vùng nguyên liệu, hệ thống đại lý mua để đầu tư nâng công suất Nhà máy Sepon – Lào lên 150 tấn SP/ngày.

- Căn cứ vào nhu cầu thị trường, chủng loại hàng: Đầu tư dây chuyền biến tính hóa tại Nhà máy Đồng Phú, công suất 70 tấn SP/ngày.

- Cân đối, bổ sung cần thiết tất cả các Nhà máy về máy đập, băm, mài tách xác thô để tăng tỉ lệ thu hồi.

3.2. Ổn định công nghệ sản xuất còn:

- Ổn định công nghệ sản xuất còn từ nguyên liệu phối trộn mật rỉ, sắn khô. Trong đó nâng mức phối trộn mật rỉ 50%;

- Chú ý trong công tác xử lý môi trường khi phối trộn mật rỉ;

3.3. Hệ thống định mức:

- Trên cơ sở cân bằng vật chất, phần đầu đạt hiệu suất chế luyện $\geq 90\%$ bột có trong nguyên liệu, tỉ lệ bột trong bã $< 50\%$;

- Kiểm toán năng lượng tiêu tốn điện, đưa ra định mức tiên tiến phù hợp từng cơ sở sản xuất.

3.4. Lao động Quản lý:

- Tiếp tục giảm biên chế bằng cách hợp lý hóa sản xuất;

- Nâng cao ý thức lao động, kỹ năng vận hành, các Nhà máy tự đào tạo công nhân vận hành không yêu cầu kỹ thuật cao.

3.5. Bột biến tính:

- Trên cơ sở giá thị trường và chi phí sản xuất tăng lên để xác định giá bán hợp lý nhằm tăng cạnh tranh, tăng sản lượng;

- Tăng chủng loại bột Oxy hóa, nghiên cứu bột E1440;

- Đẩy mạnh thị trường trong nước, Trung Quốc, Đài Loan, tiếp tục xúc tiến thị trường Nhật Bản, Hàn Quốc, Philippine.

3.6. Quản lý vốn và giảm áp lực của chi phí tài chính:

- Mở rộng vốn chủ sở hữu bằng cách tăng vốn điều lệ, tích lũy vốn.
- Thực hiện nguyên tắc kinh phí đầu tư dài hạn từ nguồn vốn dài hạn (khấu hao, quỹ phát triển) được cân đối hàng năm.
- Đề nghị công ty con hoàn chỉnh thủ tục vay vốn để chủ động về tài chính tín dụng.
- Tăng cường vòng quay vốn, giảm công nợ tình bột thường để giảm chi phí tài chính.

V. Báo cáo tài chính

Ý kiến kiểm toán và Báo cáo tài chính được kiểm toán xem tại website: www.apfco.com.vn hoặc www.apfco.vn

XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY



TỔNG GIÁM ĐỐC

Võ Văn Danh